

Số: /TB-BVPBT

Phú Tân, ngày 17 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá Gói thầu: Mua thiết bị y tế, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2027-2028 của Bệnh viện Phổi Bến Tre

Kính gửi: Các nhà thầu

Bệnh viện Phổi Bến Tre có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua thiết bị y tế, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2027-2028 của Bệnh viện Phổi Bến Tre với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Bến Tre – Số 99A9, khu phố Hữu Định, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Phan Huỳnh Như - Khoa dược, Sdt: 0977014379, email: khoaduocbvpbt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản scan gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Bản giấy gửi về địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Phổi Bến Tre - Số 99A9, khu phố Hữu Định, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ 00 ngày 17 tháng 9 năm 2026 đến 10 giờ 00 ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế, hóa chất: (danh mục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Phổi Bến Tre – Số 99A9, khu phố Hữu Định, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I/2027.

Bệnh viện Phổi Bến Tre rất mong nhận được sự tham gia của các Nhà thầu.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD-VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Bình

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG

Gói thầu: Mua thiết bị y tế, hóa chất

phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2027-2028 của Bệnh viện Phổi Bến Tre

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVPBT ngày tháng năm 2026
của Bệnh viện Phổi Bến Tre)

STT	Tên mặt hàng	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
I. GÓI THẦU 01: THIẾT BỊ Y TẾ (HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO)				
1	Băng cá nhân	Sợi vải đàn hồi, độ dính cao, an toàn cho mọi loại da. Gạc kích thước $\geq 1,8\text{cm} \times 6\text{cm}$ thấm hút tốt, mềm, có lớp màng P.E không dính vào vết thương. Tiệt trùng.	Miếng	20.000
2	Băng cuộn y tế	Chất liệu sợi cotton 100% màu trắng, không lẫn tạp chất, kích thước $\geq 0,09 \times 2\text{m}$.	Cuộn	300
3	Băng keo cuộn lụa	Vải lụa trắng thông thoáng, mềm mại, độ bền kéo cao, không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc.	Cuộn	3.500
4	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần	Chất liệu nhựa y tế, không chứa chất DEHP. Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị tác động bởi oxy hay thuốc, lòng ống có khía chống gập. Đầu thở mềm. Tiệt trùng.	Sợi	2.000
5	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần	Sonde oxy số 10 (1 lỗ). Được sản xuất từ nhựa y tế, dây mềm, một đầu được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho bệnh nhân. Tiệt trùng.	Sợi	600
6	Bơm tiêm dùng để bơm thức ăn cho người bệnh	Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không chứa chất DEHP, dung tích 50 ml. Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	100
7	Bơm tiêm insulin	Bơm tiêm insulin 100UI/ 1ml. Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng, cỡ kim 30G x 1/2". Không chứa chất DEHP. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	4.000

8	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Bơm tiêm 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 23Gx1", không chứa DEHP. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	120.000
9	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Bơm tiêm 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", không chứa DEHP. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	60.000
10	Bơm tiêm máy bơm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động dung tích 50ml. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	200
11	Cán dao mổ	Chất liệu bằng thép không gỉ, dùng cho lưỡi dao số 20, phần thân có sọc ma sát giúp cầm dao mổ một cách chắc chắn hơn, không bị trơn trượt	Cái	50
12	Chỉ khâu không tiêu	Chỉ tự nhiên không tan, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ, số 0, chỉ dài 75cm, kim tam giác dài 26mm phủ silicon.	Tép	100
13	Co nối nhựa	Chất liệu bằng nhựa y tế, dùng để nối ống dẫn lưu màng phổi	Cái	100
14	Đầu côn vàng	Chất liệu: nhựa PP, các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại Micropipete, có khóa, màu vàng. Dung tích: 0-200 μl	Cái	80.000
15	Đầu côn xanh	Chất liệu: nhựa PP, các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại Micropipete, có khóa, màu xanh. Dung tích: 0-1000 μl	Cái	60.000
16	Dây garo	Chất liệu: Sợi Polyester và sợi cao su. Dài $\geq 30\text{ cm}$, khóa velcro (băng nhám dính)	Cái	200

17	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\leq 0.9\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$, có khoá chặn dòng. Dây dài 140cm. Tiệt trùng, không gây sốt.	Sợi	200
18	Dây truyền dịch	Chất liệu PVC nguyên sinh. Dây truyền dịch có màng lọc dung dịch, 20giọt/ml, dễ điều chỉnh giọt, có van lọc khí và vi khuẩn, dây truyền dài $\geq 180\text{cm}$. Không chứa nội độc tố, không chất gây sốt, không DEHP. Đóng gói tiệt trùng từng sợi.	Sợi	70.000
19	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Dung dịch Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Thành phần: $\geq 0,55\%$ Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Tương thích với ống nội soi của nhiều hãng.	Lít	900
20	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ, thiết bị y tế. Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride: $\geq 6,5\%$ w/w; Chlorhexidine Digluconate: $\geq 0,074\%$ w/w; chất hoạt động bề mặt không ion. Hiệu quả diệt khuẩn cao.	Lít	30
21	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ	Dung dịch tẩy rửa có thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme: protease $> 1\%$, lipase $> 0.1\%$, amylase $> 0.1\%$, mannanase $> 0.1\%$, cellulase $> 0.1\%$. Dùng được cho máy rửa tự động và ngâm rửa thủ công. Hiệu quả diệt khuẩn cao.	Lít	280
22	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Dung dịch sát khuẩn da. Thành phần: Chlorhexidine gluconate $\geq 2\%$ + Chất dưỡng da. Chai 500ml.	Chai	900
23	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	Dung dịch sát khuẩn da tay nhanh không rửa lại bằng nước sạch. Thành phần: Ethanol $\geq 75\%$ + Chlorhexidine digluconate $\geq 0.5\%$ + Isopropanol $\geq 8\%$ + Chất dưỡng da. Chai 500ml	Chai	450
24	Gạc	Chất liệu: 100% cotton. Kích thước: 8cm x 12cm .Tiệt trùng.	Miếng	6.000

25	Găng tay sử dụng trong thăm khám	Chất liệu bằng cao su thiên nhiên, có bột, dài $\geq 240\text{mm}$, dùng trong y tế, chưa tiệt trùng, đủ các size (S,M,L,XL).	Đôi	50.000
26	Găng tay vô trùng dùng trong phẫu thuật, thủ thuật	Chất liệu bằng cao su thiên nhiên, có bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật, dài $\geq 280\text{mm}$, tiệt trùng, độ co giãn và mềm mại cao, đủ các size (S,M,L,XL).	Đôi	200
27	Giấy lau kính	Giấy mềm tránh tình trạng trầy xước lăng kính, chuyên dùng cho kính hiển vi	Tờ	800
28	Gòn tiêm thuốc	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước. Bông dạng viên, kích thước $\geq 1,5\text{cm} \times 2\text{cm}$, tiệt trùng, gói 25 gram.	Gói	3.000
29	Khẩu trang y tế	Thành phần gồm: 3 lớp. Lớp giữa: lớp vi lọc/giấy kháng khuẩn Meltblown: 20gsm, có tác dụng lọc mùi, khói bụi và vi khuẩn. Thanh nẹp mũi bằng nhựa PP 100% (không lõi kim loại) : mềm mại dễ uốn nắn. Hiệu suất lọc khuẩn (BFE) $\geq 99,99\%$. Hiệu suất lọc BFE $\geq 98,8\%$. Hiệu suất lọc PFE $\geq 99,9\%$. Trở lực hô hấp (DP) $\leq 9\text{mmH}_2\text{O}$. Tiệt trùng bằng khí EO và đóng gói từng cái.	Cái	80.000
30	Khóa 3 ngã	Khóa 3 ngã có dây nối dài 25cm. Không nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch hay các loại thuốc. Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch.	Cái	300
31	Kim chích máu	Được làm từ thép không gỉ, dùng để chích lấy mẫu máu. Tiệt trùng từng cái.	Cái	3.000
32	Kim lấy máu, lấy thuốc	Kim tiêm thuốc sử dụng một lần 18G, vành có ngành khóa, kim bằng thép không gỉ, chuỗi bằng nhựa PP. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng.	Cái	50.000
33	Kim luồn mạch máu	Kim luồn tĩnh mạch 24G, có cánh, có cửa. Kim 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE.	Cái	10.000

34	Lam kính nhám	Chất liệu thủy tinh trong suốt có một đầu nhám. Kích thước 25.4mm x 76.2mm; độ dày 1mm - 1.2mm.	Miếng	1440
35	Lọ nhựa đựng mẫu 55ml	Chất liệu nhựa PS. Kích thước : chiều cao ≥ 60 mm, đường kính ≥ 35 mm. trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. TC: CE	Cái	4.000
36	Lọ lấy đàm vô trùng	Lọ lấy mẫu đàm số 12, vật liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút ≥ 412 mmHg (55kPa) trong 15 giây, gồm: - 1 dây hút dịch loại trẻ em 8FG, 10FG x 32cm, loại người lớn 12FG, 14FG dài ≥ 55 cm. Dây có 3 lỗ hút, (2 lỗ nằm ở mặt bên), để tối đa hóa lượng dịch được hút và giảm nguy cơ tắc nghẽn - 1 dây nối dài ≥ 47 cm, đầu nối có van nhấn, để kết nối với máy hút - 1 lọ đựng 25ml có vạch chia thể tích, 1 nắp đậy để đóng và bảo quản mẫu	Cái	200
37	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần	Chất liệu được làm từ thép carbon không gỉ. Lưỡi dao sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. Lưỡi dao đã được tiệt trùng, số 20.	Cái	100
38	Mask khí dung	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không chứa chất DEHP. Có bộ khí dung. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân, tiệt trùng.	Cái	2.000
39	Mask oxy có túi	Mask oxy nồng độ cao người lớn. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC, không gây kích ứng. Mặt nạ thở oxy có dây đeo, chiều dài 2-2.5 mét, có túi trữ khí.	Cái	400
40	Máy đo huyết áp kể người lớn (không ống nghe)	Máy đo huyết áp người lớn, không ống nghe, loại cơ học.	Cái	10
41	Ống dẫn lưu màng phổi	Chất liệu nhựa, có co nối, có đường cân quang, đánh dấu chiều dài. Chiều dài 450-500 mm, ≥ 6 lỗ	Cái	100

42	Ống đặt nội khí quản	Chất liệu PVC trong suốt không độc hại, không dị ứng, số 8. Lỗ (mắt) murphy nhẵn mịn. Bóng thuận (tapered), Có đường cân quang, và vạch đánh dấu giúp xác định vị trí chèn ống. Tiệt trùng. Không pyrogenic. TC ISO, CE.	Ống	50
43	Ống hút đàm	Số 14. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút.	Cái	100
44	Ống ly tâm	Chất liệu bằng nhựa, có nắp vặn, đáy ống nhọn, thể tích 50ml.	Ống	15.000
45	Ống nghe	Ống nghe 2 tai, nghe tim, phổi, âm thanh rõ, trong, hạn chế tạp âm	Cái	10
46	Ống nghiệm nhựa 5ml loại không nắp	Chất liệu PS tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, không nắp, 5ml. Tiêu chuẩn CE	Ống	20.000
47	Ống nghiệm Serum hạt nhỏ	Chất liệu: Nhựa y tế, có nắp. Thể tích ống ≤ 6 ml. Chứa hạt nhựa Poly Styrene. Tiêu chuẩn CE	Ống	300
48	Phim X quang KTS 20 x 25cm	- Phim khô laser kích thước 20x25cm. - Phim chính hãng, tương thích với máy in phim laser TRIMAX TX55. - Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, độ bền tốt. - Xuất xứ hàng hóa: G7, đạt tiêu chuẩn: FDA; CE; ISO 13485.	Tấm	41.000
49	Pipette nhựa 3ml	Chất liệu bằng nhựa PE, vào bao riêng lẻ, dùng để hút vô trùng mầm cây hay bệnh phẩm, ống pipette 3ml	Cái	10.000
50	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết Accu-Chek Instant dùng cho máy Accu-Chek Instant, cho kết quả đúng 100%. Sản xuất tại G7	Test	3.000
51	Sonde dạ dày	Ống thông dạ dày các số, không có nắp. Dây dẫn dài ≥ 120 cm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	100

52	Sonde Foley	Chất liệu cao su thiên nhiên, độ cong thích hợp, có bóng cân đối 2 nhánh. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, thành ống dày chống gãy gập, không có chất DEHP. dài ≥ 40 cm. Tiệt trùng. Số 12, 14, 16, 18, 20, 22	Cái	100
53	Test HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Độ nhạy $\geq 99\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Phân loại TTBYT loại D. Đạt tiêu chuẩn ISO,	Test	250
54	Test HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 99\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$.	Test	250
55	Test HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy: $\geq 99.5\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. Phân loại TTBYT loại C hoặc D	Test	200
56	Que thử nước tiểu	Que xét nghiệm nước tiểu bằng máy Acon Mission 10 thông số gồm: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU)	Que	2.000
57	Tube chiết mẫu Ependorf	Chất liệu nhựa y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất. Thể tích 1,5ml, có vạch thể tích trên thành ống. Thành trơn láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. TC: CE	Cái	20.000
58	Tube Citrate	Chất liệu nhựa y tế, chứa chất kháng đông Sodium Citrate 3.8%, Thể tích ống ≤ 6 ml. Tiêu chuẩn CE	Ống	3.000
59	Tube EDTA	Chất liệu nhựa y tế, chứa chất kháng đông EDTA, Thể tích ống ≤ 6 ml. Tiêu chuẩn CE	Ống	10.000
60	Tube Heparin	Chất liệu nhựa y tế, chứa chất kháng đông Heparin Lithium. Thể tích ống ≤ 6 ml. Tiêu chuẩn CE	Ống	10.000

61	Túi đựng nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế, không độc hại. Thể tích $\geq 2000\text{ml}$, độ dày $\geq 1.2\text{mm}$, phân vạch rõ ràng. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược	Cái	100
62	Viên khử khuẩn	Viên khử khuẩn dạng sỏi. Thành phần: Sodium dichloroisocyanurate	Viên	10.000
63	Acid Acetic	Là Acid hữu cơ có công thức hóa học CH_3COOH , chất lỏng không màu.	ml	1.000
64	Cồn 90	Chất lỏng trong suốt không cặn không vẩn đục, mùi đặc trưng sản phẩm, hàm lượng ethanol 90%, Không màu, Tiêu chuẩn ISO	Lít	30
65	Cồn tuyệt đối	Chất lỏng, không màu, trong suốt, mùi đặc trưng, Dung dịch Ethanol $\geq 99,5\%$. Tiêu chuẩn ISO	Lít	10
66	Cồn y tế 70 độ	Chất lỏng trong suốt không cặn không vẩn đục, mùi đặc trưng sản phẩm, hàm lượng ethanol 70%, Không màu, Tiêu chuẩn ISO	Lít	500
67	Dầu soi	Chuyên dùng cho kính hiển vi quang học, giúp tăng độ phân giải, cải thiện độ tương phản, hỗ trợ quan sát rõ nét các vật mẫu có kích thước siêu nhỏ như vi khuẩn, tế bào, nhân tế bào.	ml	500
68	Giemsa	Xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	ml	100
69	Dung dịch Carbon fuchin 0,3%	Xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid.	ml	12.000
70	Dung dịch Xanh Metylen 0,3%	Xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid.	ml	12.000
71	Dung dịch Cồn Acid 3%	Xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid.	ml	12.000
Tổng cộng (I): 71 mặt hàng				
II. GÓI THẦU 02: OXY DƯỢC DỤNG (OXY Y TẾ)				
1	Oxy lỏng	Hàm lượng oxy $\geq 99.6\%$	Kg	110.000
2	Oxy chai	Hàm lượng oxy $\geq 99.6\%$	Chai	600
Tổng cộng (II): 02 mặt hàng				
III. GÓI THẦU 03: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM				
1. Hóa chất sử dụng cho Máy huyết học 23 thông số				

1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu	ml	520.000
2	Dung dịch đo Hemoglobin	Đo nồng độ hemoglobin trong máu	ml	15.000
3	Dung dịch ly giải dùng để đếm các tế bào bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động	ml	40.000
4	Dung dịch nhuộm dùng để đếm các tế bào bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động.	ml	320
5	Dung dịch kiềm rửa máy huyết học	Sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động.	ml	1.000
6	Chất chuẩn huyết học mức 1	Kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học ở mức nồng độ thấp	ml	36
7	Chất chuẩn huyết học mức 2	Kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học ở mức nồng độ trung bình	ml	36
8	Chất chuẩn huyết học mức 3	Kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học ở mức nồng độ cao	ml	36
Tổng cộng (1): 08 mặt hàng				
2. Hóa chất sử dụng cho Máy ion đồ				
1	Dung dịch rửa máy điện giải	Sản phẩm là hóa chất được để rửa sạch những đạm lắng lại sau một ngày hoạt động	ml	540
2	Hóa chất máy điện giải EasyLyte	Sản phẩm là hóa chất được dùng để xác định định lượng natri (Na +), kali (K +) và clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần	ml	16.000
3	Phụ kiện bảo trì thay thế máy EasyLyte	Dung dịch châm điện cực, phụ kiện thay thế điện cực, và dây bơm	ml	250
4	Control điện giải 2 mức	Kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu ở 2 mức nồng độ	ml	60
Tổng cộng (2): 04 mặt hàng				
3. Hóa chất sử dụng cho Máy sinh hóa tự động				
1	Glucose	Định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương	ml	4.500
2	Ure	Định lượng Urê trong huyết thanh, huyết tương	ml	6.000

3	AST	Định lượng hoạt tính của Aspartate Aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương	ml	5.000
4	ALT	Định lượng hoạt tính của Alanine Aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương	ml	5.000
5	GGT	Định lượng hoạt tính Gamma-glutamyltransferase (GGT) trong huyết thanh và huyết tương	ml	5.000
6	Creatinine	Định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương	ml	6.000
7	Protein	Định lượng nồng độ Protein trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	1500
8	LDH	Định lượng nồng độ LDH trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	1500
9	Acid Uric	Định lượng nồng độ Acid Uric trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	1500
10	Triglycerid	Định lượng nồng độ Triglycerid trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
11	Cholesterol	Định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
12	HDL - C	Định lượng nồng độ HDL-cho trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	1000
13	Albumin	Định lượng nồng độ Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	1500
14	Bilirubin TP	Định lượng nồng độ Bilirubin TP trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	2000
15	Bilirubin TT	Định lượng nồng độ Bilirubin TT trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	2000
16	CRP định lượng	Định lượng CRP trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	2.000
17	Calib CRP		ml	12
18	Control CRP mức thấp		ml	48
19	Control CRP mức cao		ml	48
20	Dung dịch làm sạch đường dẫn mẫu	Làm sạch đường dẫn mẫu	ml	800
21	Dung dịch làm sạch Cuvettes	Làm sạch các chất phản ứng còn đọng trong cuvettes	ml	4.400

22	Dung dịch làm sạch hệ thống thủy lực	Làm sạch hệ thống thủy lực của thiết bị, không phản ứng với các hoá chất xét nghiệm	ml	500
23	Dung dịch làm sạch các chất phản ứng	Làm sạch các chất phản ứng còn đọng trong cuvettes.	ml	100
24	Control sinh hóa level 2	Kiểm tra độ chính xác của các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng với các quy trình thủ công và tự động ở mức bình thường	ml	240
25	Control sinh hóa level 3	Kiểm chứng độ chính xác của các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng với các quy trình thủ công và tự động ở mức bất thường	ml	240
26	Calib	Hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng với các quy trình thủ công và tự động.	ml	100
	Tổng cộng (3): 26 mặt hàng			
	4. Hóa chất sử dụng cho Máy sinh hóa bán tự động			
1	Glucose	Định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
2	Ure	Định lượng nồng độ Ure trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
3	AST	Định lượng nồng độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
4	ALT	Định lượng nồng độ ALT trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
5	GGT	Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
6	Creatinine	Định lượng nồng độ Creatinin trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
7	Protein	Định lượng nồng độ Protein trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	250
8	LDH	Định lượng nồng độ LDH trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	400
9	Acid Uric	Định lượng nồng độ Acid Uric trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
10	Triglycerid	Định lượng nồng độ Triglycerid trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	250
11	Cholesterol	Định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	250
12	HDL - C	Định lượng nồng độ HDL-cho trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
13	Albumin	Định lượng nồng độ Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500

14	Bilirubin TP	Định lượng nồng độ Bilirubin TP trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
15	Bilirubin TT	Định lượng nồng độ Bilirubin TT trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	500
16	CK	Định lượng nồng độ CK trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	300
17	CK - MB	Định lượng nồng độ CK-MB trong huyết thanh hoặc huyết tương	ml	250
18	Control CK-MB	Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	ml	20
19	Control sinh hóa level 2	Kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	ml	20
20	Control sinh hóa level 3	Kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa.	ml	20
Tổng cộng (4): 20 mặt hàng				
5. Hóa chất sử dụng cho Máy đông máu bán tự động				
1	Hóa chất xét nghiệm đông máu PT	Hóa chất xét nghiệm đông máu PT	ml	250
2	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	ml	150
3	Hóa chất xét nghiệm đông máu Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm đông máu Fibrinogen	ml	150
4	Control Level I	Hóa chất chuẩn xét nghiệm đông máu Coagulation Control mức bình thường (Normal) và mức bệnh lý (Pathological)	ml	30
5	Control Level II	Hóa chất chuẩn xét nghiệm đông máu Coagulation Control mức bình thường (Normal) và mức bệnh lý (Pathological)	ml	30
6	Cuvette	Cóng nhựa trong suốt có sẵn thanh khuấy từ mixer, bên trong có thẻ CuvCard tương thích máy đo đông máu DCA-4.	Giếng	10.000
Tổng cộng (5): 06 mặt hàng				
6. Hóa chất ngoại kiểm				
1	Hóa chất ngoại kiểm huyết học	Ngoại kiểm Huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu hoặc tương đương	ml	48

2	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa	Ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương	ml	120
3	Hóa chất ngoại kiểm đông máu	Ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương	ml	24
	Tổng cộng (6): 03 mặt hàng			
	7. Nuôi cấy định danh vi khuẩn thông thường			
1	BA	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần : Peptone (0,552g); Corn starch (24mg); Sodium chloride (0,12g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL); Máu cừu (1,6mL) Cảm quan: Màu sắc: đỏ máu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bột; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	đĩa	200
2	MC	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần Peptones (72mg); Pancreatic digest of gelatin (0,4g); Lactose monohydrate (0,24g); Bile salts (36mg); Sodium chloride (0,12g); Crystal violet (0,024mg); Neutral red (0,72mg); Agar (0,4g); Nước cất 24mL. Cảm quan: Màu sắc: màu tím nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bột; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	đĩa	200

3	MHA	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa thạch tròn có Φ 90mm thực hiện kháng sinh đồ cho 7 đĩa kháng sinh hoặc 2 que MIC Thành phần Beef extract (48mg); Acid hydrolysate of Casein (0,42g); Starch (36mg); Agar (0,4g); Nước cất (24mL). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
4	SS	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần : Beef Extract (0,12g); Pancreatic Digest of Casein (60mg); Peptic Digest of Animal Tissue (60mg); Lactose (0,24g); Bile Salts (0,2g); Sodium Citrate (0,2g); Sodium Thiosulfate (0,2g); Ferric Citrate (24mg); Neutral Red (0,6mg); Agar (0,4g); Brilliant Green (7,92μg); Nước cất 24mL. Cảm quan: Màu sắc: cam nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bột; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	đĩa	200
5	KIA	Tube thủy tinh có nắp vặn chặt có chứa 5ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	tube	200

6	Chromagar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu Thành Phần : Chromogenic mix (24mg); Peptone, yeast and extract (0,4g); Agar (0,36g); Nước cất (24ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
7	SAB	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần Dextrose (0,96g); Peptone (0,24g); Agar (0,36g); Nước cất (24mL). Cảm quan: Màu sắc: trắng ngà; Độ dày 5mm; Độ lóng: lóng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp	đĩa	200
8	BHI broth	Tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ H.influenzae. Môi trường được chứa trong lọ thủy tinh nắp vặn có dung tích 3mL, kích thước 40 × 16mm.	Lọ	200
9	Huyết tương thử	Bịch 10 lọ. Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thử đông khô để định danh Staphylococcus	Lọ	200
10	NaCl 6,5%	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng dung nạp 6.5% sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus.	Lọ	200
11	Bile Esculin	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng thủy giải esculin của vi khuẩn với sự hiện diện của bile để phân biệt Group D streptococcus với các nhóm streptococcus khác.	Lọ	200
12	BHI 20% Glycerol	Đựng trong tube nhựa dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm).	Lọ	200

13	BHI 2 pha	Chai cấy máu hai pha được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai có hai phần: Phần trên là pha đặc với môi trường là BHI agar và Phần dưới là BHI lỏng có SPS với vai trò kháng đông và ngăn hoạt động bổ thể cũng như một số kháng sinh. Cảm quan: Màu sắc: vàng nhạt; Đồng nhất, không lợn cợn, không tách lớp	Lọ	200
14	Erythromycine	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
15	Pennicillin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

16	Doxycycline	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
17	Amoxicilline	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
18	Ampicilline	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
19	Ofloxacin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

20	Cefotaxime	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
21	Ciprofloxacin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
22	Gentamicin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
23	Ceftriaxone	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

24	Cefalexine	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
25	Novobiocin	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin	đĩa	200
26	Oxidase	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm Oxidase	đĩa	200
27	Optochin	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin	đĩa	200
28	Bacitracin	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dầy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin.	đĩa	200
29	Cefuroxim	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

30	Cefoxitin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
31	Vancomycin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
32	Amikacin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
33	Levofloxacin	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm.Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

34	Ceftazidime	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
35	Ticarcillin/ Clavulanic acid	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
36	Cefepime	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
37	Meropenem	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ $50 \times 21\text{mm}$, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200

38	Imipenem	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
39	Amoxiciiline/ Clavulanic acid	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Hộp Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017 / 13485:2016	đĩa	200
40	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine.	Bộ	8
41	Bộ định danh IVD NK-RNIS	Bộ định danh IVD NK-RNIS (Rapid Neisseria Identification System) là hệ thống định danh Neisseria dựa trên thử nghiệm lên men đường nhanh	Test	200
42	Bộ định danh IVD NK IDS 14 GNR	Bộ định danh IVD NK-IDS 14GNR là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Test	200
43	Hydrogen peroxide (H2O2)	Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase	ml	50
Tổng cộng (7): 43 mặt hàng				
TỔNG CỘNG III : 110 mặt hàng				
TỔNG CỘNG (I) (II) (III) : 183 mặt hàng				

